

Năm tháng ngày

年 組 氏名

Năm thứ Lớp Họ tên

保護者様 Kính gửi : Quý phụ huynh

学校

(Tên trường học)

校長

Hiệu trưởng

## 定期健康診断（耳鼻科）結果のお知らせ Thông báo kết quả kiểm tra định kỳ (Khoa tai mũi)

本年度の定期健康診断（耳鼻科）の結果は、下記のとおりでした。

専門医を受診し、適切な指導を受けるようお勧めします。

なお、受診後は、受診結果報告書を学校へ提出してください。

Kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ (Khoa tai mũi) năm nay như dưới đây.

Phụ huynh nên đưa học sinh đi khám ở bệnh viện chuyên ngành để nhận được sự chỉ dẫn thích hợp.

Chú ý, sau khi khám xong, nộp kết quả khám cho nhà trường.

記 録

		健康診断時異常なし 当 時 検 査 結 果 正 常 時 候 検 査 結 果 正 常 時 候	
所 見	耳	1	<p>耳垢栓塞 (耳あか)</p> <p>Ráy tai đang nhiều lên đến mức không thể nhìn thấy màng nhĩ. Hãy đi khám ở bệnh viện chuyên ngành để được khám chi tiết hơn. Nó có thể cứng như đá, hoặc nó có thể dính và bị mắc kẹt trong ống tai ( gọi là "tai keo"). Hãy lấy ráy tai trước khi bắt đầu học bơi .</p>
		2	<p>しん しゅつせい ちゅうじえん 滲出性中耳炎</p> <p>Viêm tai (có tiết dịch)</p> <p>耳が痛くなったりしませんが、鼓膜の内側に本人の気付かない間に滲出液がたまって聞こえが悪くなる中耳炎です。日常会話や授業に差し障る場合もあります。</p> <p>Viêm bên trong tai sẽ không làm tai đau, mà khi ta không để ý, dịch tiết ra và tích tụ bên trong màng nhĩ khiến khả năng nghe trở nên tồi tệ hơn. Có thể sẽ gặp khó khăn trong nói chuyện cũng như trong tiết học hàng ngày.</p>
		3	<p>慢性中耳炎</p> <p>Viêm tai (mãn tính)</p> <p>中耳炎をくりかえし、鼓膜にあながあいたままになっています。最終的には、あなを閉じて聞こえをよくする手術が必要です。水泳の時は専門医の許可を受け、その際の注意と指導を守ってください。</p> <p>Sau khi bị viêm tai nhiều lần, có xuất hiện các lỗ trên màng nhĩ. Cuối cùng, bạn cần phẫu thuật để lấp lỗ cải thiện khả năng nghe. Khi đi bơi lội, hãy xin phép bác sỹ chuyên ngành và chấp hành đúng những chú ý và chỉ dẫn của bác sỹ.</p>
		4	<p>難聴の疑い</p> <p>Có thể bị nặng tai</p> <p>聞こえが正常より低下している疑いがあります。聞こえの程度を測定する詳しい聴力検査を受け、検査結果（オージオグラム）のコピーを学校に提出してください。耳の障害だけでなく子供のかかえる心の葛藤がその原因となる場合があります。また、既に難聴と判明している場合も定期的に聴力検査を受けることは大切です。</p> <p>*聴力検査の結果 下記の音が聞き取りにくいようです。（○印） 右（1000Hz/4000Hz）・左（1000Hz/4000Hz）</p> <p>Dự đoán khả năng nghe thấp hơn hẳn bình thường. Hãy đi kiểm tra thính giác chi tiết để xác định mức độ nghe được và nộp bản copy của kết quả kiểm tra đó (biểu đồ thính lực) cho nhà trường. Nguyên nhân bị nặng tai không chỉ là do dị tật của tai mà còn có thể do tâm sinh lý của học sinh đang phải chịu đựng. Ngoài ra, điều quan trọng là phải thường xuyên dẫn học sinh đi kiểm tra thính giác ngay cả khi đã biết rõ học sinh bị nặng tai.</p> <p>* Kết quả kiểm tra thính giác: Khó có thể nghe được các âm thanh sau(○). Phải (1000 Hz / 4000 Hz) · Trái (1000 Hz / 4000 Hz)</p>
鼻	5	<p>アレルギー性鼻炎</p> <p>Viêm mũi dị ứng</p> <p>くしゃみ、鼻水、鼻づまりの3症状が広く知られ、しばしば鼻出血や副鼻腔炎を伴います。原因となる物質（抗原）に家のほこりや花粉などがあります。家のほこりの場合一年を通して症状が出ますが、花粉の場合季節により症状がかなり変動します。</p> <p>Thường có 3 triệu chứng: hắt hơi, sổ mũi và nghẹt mũi. Thường kèm theo chảy máu mũi và viêm xoang. Nguyên nhân dẫn đến là do bụi trong nhà và phấn hoa v.v. Trong trường hợp nguyên nhân do bụi trong nhà, các triệu chứng sẽ xảy ra quanh năm, nhưng trong trường hợp nguyên nhân do phấn hoa, các triệu chứng thay đổi theo mùa.</p>	

所 見	鼻	6	鼻中隔弯曲症 Bệnh cong vách ngăn mũi	左右の鼻の空間を仕切る壁が強く曲がっていて鼻づまりや鼻出血の原因となることがあります。 Vách ngăn giữa mũi trái và mũi phải bị cong dẫn đến nghẹt mũi hoặc chảy máu mũi.
		7	副鼻腔炎 Viêm xoang	慢性の鼻の病気で鼻カタル、肥厚性鼻炎、蓄膿症などといわれるものです。鼻汁、鼻づまり、鼻出血、頭痛などいろいろな症状がおこり、集中力や嗅覚の低下の原因となることもあります。 Là bệnh mãn tính của mũi, hay được nói tới như bệnh catarrh mũi, bệnh viêm mũi phì, phù nề hoặc tương tự. Các triệu chứng khác nhau như chảy nước mũi, nghẹt mũi, chảy máu mũi, nhức đầu, v.v. Có thể gây ra sự mất tập trung và mất khả năng về khứu giác.
		8	アデノイドの疑い Dự đoán bị adenoid	鼻で呼吸がしにくくなり、口を開いたままにしていることが多くなります。いびきや口呼吸など睡眠時呼吸障害の原因になったり滲出性中耳炎や副鼻腔炎を治り難しくします。 Do khó thở bằng mũi nên hay thường há miệng khi hô hấp. Gây ra các vấn đề khi ngủ như ngáy và thở bằng miệng, làm cho viêm tai(có tiết dịch) và viêm xoang rất khó chữa.
	咽喉	9	扁桃肥大 Tonsil hypertrophy	扁桃が高度に肥大しています。いびきや口呼吸など睡眠時呼吸障害や嚥下障害の原因になったりしています。そのため授業中居眠りしやすいとか持久走に弱いなどの隠れた原因になっていることもあります。 Amidan to hơn bình thường. Gây ra các vấn đề khi ngủ như ngáy ngủ và thở bằng miệng, khó nuốt. Vì vậy, nó có thể là một nguyên nhân dẫn đến hay buồn ngủ trong lớp hoặc chạy bền kém.
		10	扁桃炎 Viêm amidan	かぜをひきやすく、疲れや体調を崩しただけで熱が出たりします。関節、腎臓、心臓の病気の原因になることがあります。 Dễ bị cảm lạnh, bị sốt khi mệt mỏi và ốm yếu. Nó có thể dẫn đến các bệnh về khớp, thận và tim.
		11	音声異常 Dị thường về giọng nói	かすれ声や鼻声などの異常があります。 Dị thường về giọng nói như là giọng khàn, giọng mũi
		12	言語異常 Dị thường về ngôn ngữ	話し言葉に異常があります。 Dị thường về ngôn ngữ nói.

※1,2,3,4,7,11については水泳指導開始1週間前までに受診してください。

Về mục 1,2,3,4,7,11 hãy đi khám trước khi bắt đầu học bơi 1 tuần.

※5,6,8,9,10についてはお子さんの様子を観察し、症状がある時には受診をしてください。

Về mục 5,6,8,9,10, quan sát tình trạng của học sinh, nếu thấy dấu hiệu của bệnh cần dẫn đi khám ngay.

キリトリせん Đường cắt

受診結果報告書 (耳鼻科) Thông báo kết quả khám (Khoa tai mũi)

(あて先) (Nơi nhận)

学校長 Hiệu trưởng trường

年 組 氏名

Năm thứ Lớp Họ tên

病名 Tên bệnh :

いずれかに○をつけてください。Khoanh tròn ○

( ) 異常なし Không có dị thường ( ) 治療開始 Bắt đầu điều trị

( ) 治療中 đang điều trị ( ) 経過観察 Theo dõi ( ) 治療完了 Điều trị xong

〈聴力検査結果〉 〈Kết quả kiểm tra thính giác〉

右Phải ( ) 左Trái ( )

その他、学校への連絡事項がありましたらお書きください。 ( )

Ý kiến khác cần liên lạc với nhà trường(nếu có).

年 月 日  
Năm tháng ngày

医師名 印  
Tên bác sỹ Đóng